TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2019
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai;

Ông: Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/02/2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 271/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 17/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Số nhà ấp T H, xã P H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

2. Bị đơn: Trần Thanh S, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số nhà ấp T T, xã T H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 11/02/2019; Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2015 Nguyễn Thị Cầm T và Trần Thanh S quen biết, sau đó tổ chức đám cưới về sống chung với nhau, không có đăng ký kết hôn, sau

khi đám cưới vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ ruột Nguyễn Thị Cẩm T tại xã Phong Hòa. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cải, không quan tâm lẫn nhau, Nguyễn Thị Cẩm T và anh S đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Chị Nguyễn Thị Cẩm T không còn tình cảm với anh S, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Cẩm T xin được ly hôn với anh Trần Thanh S;

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước T, sinh ngày 13/9/2016, hiện nay chị T đang nuôi con, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung khi ly hôn: không có, chị T không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung khi ly hôn: Không có, chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Trần Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T với anh Trần Thanh S, có yêu cầu về con khi ly hôn, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Bị đơn cư trú tại xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Thanh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Thanh S cùng chung sống với nhau vào năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Thanh S không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Thanh S là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước T, sinh ngày 13/9/2016, hiện nay chị T đang nuôi con, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy Nguyễn Phước T hiện nay do chị Cẩm Tú trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo, chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con; từ khi thụ lý vụ án đến nay anh Trần Thanh S không có văn bản ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Cẩm Tú nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi Nguyễn Phước T, sinh ngày 13/9/2016 của chị Nguyễn Thị Cẩm T; anh Trần Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, đúng theo quy định với Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nợ khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Nguyễn Thị Cẩm T và Trần Thanh S là vợ chồng.

2. Về con khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi con là Nguyễn Phước T, sinh ngày 13/9/2016. Anh Trần Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí Nguyễn Thị Cẩm T theo biên lai số 0008475, ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/6/2019). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì

thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Thị Bích Huyền